

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Găng và ông Nguyễn Ngọc Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Tường V, sinh năm 1995; nơi ĐKTT: 2 L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (N là 2 L, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lưu Nhật H, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (Nay là D, phường X, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Tường V (bà V) trình bày: Bà V và ông H tự tìm hiểu, quen biết nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) ngày 30/12/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Thời điểm bà V mang thai, ông H không quan tâm, chăm sóc; bà V phải thường xuyên về lại nhà bố mẹ ruột để được chăm sóc, nghỉ ngơi. Khi bà V sinh con được 06 tháng tuổi thì bà V phát hiện ông H bị bệnh xã hội, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, bà V và ông H sống ly thân hơn 01 năm. Bà V nhận thấy cuộc sống

vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm với ông H không còn nên bà V yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Phúc An N - sinh ngày 24/3/2023. Hiện cháu N đang ở với bà V. Ly hôn, bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Bùi Thị Tường V. Về con chung, giao cháu Lưu Phúc An N - sinh ngày 24/3/2023 cho bà V nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên tòa không xem xét. Bà V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông H có hộ khẩu thường trú tại D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (Nay là D, phường X, tỉnh Đắk Lắk) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà V có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà V, ông H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà V, ông H có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) ngày 30/12/2022 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà V, bà và ông H có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, dẫn đến vợ chồng sống ly thân đã hơn 1 năm; tình cảm vợ chồng không có dấu hiệu hàn gắn. Sự việc này được cha ruột của ông H và chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, có căn cứ thấy rằng mâu thuẫn giữa bà V, ông H không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lưu Phúc An N - sinh ngày 24/3/2023. Từ thời điểm sống ly thân thì cháu N do bà V nuôi dưỡng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu

của bà V, giao cháu N cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng. Bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà V không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Bùi Thị Tường V được ly hôn ông Lưu Nhật H.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Phúc An N - sinh ngày 24/3/2023. Giao cháu Lưu Phúc An N cho bà Bùi Thị Tường V nuôi dưỡng. Ông Lưu Nhật H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lưu Nhật H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền số 0000004 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND khu vực 14, Đắk Lắk (02);
- TAND tỉnh Đắk Lắk (01);
- Phòng THADS khu vực 14, Đắk Lắk (01);
- UBND phường Xuân Thành (nay là phường Xuân Đài): ĐKKH số 73 ngày 30/12/2022;
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

